

Số: /KH-UBND

Ba Dinh, ngày tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH
Tổ chức thực hiện dạy học tăng cường tiếng Việt cho trẻ em
trước khi vào lớp Một, năm học 2026 - 2027

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một;

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học;

Căn cứ Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 13/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai, thực hiện “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số” giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Chương trình hành động số 08-CT/ĐU ngày 24/12/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Ba Dinh về thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo (viết tắt là Chương trình hành động số 08-CT/ĐU); Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 10/01/2026 của UBND xã Ba Dinh về kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 21/4/2026 của Ủy ban nhân dân xã Ba Dinh về việc triển khai, thực hiện “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số” giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã Ba Dinh;

UBND xã Ba Dinh xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện dạy học tăng cường tiếng Việt cho trẻ em trước khi vào lớp Một, năm học 2026 - 2027 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức, quản lý, hướng dẫn hoạt động dạy và học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một theo quy định.
- Chuẩn bị tâm thế sẵn sàng, tạo hứng thú, chủ động cho trẻ trong học tập; hình thành một số kỹ năng học tập cơ bản và năng lực sử dụng tiếng Việt, kỹ năng giao tiếp, ứng xử xã hội cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một.
- Xác định được những nội dung cần phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một.

2. Yêu cầu

- Tổ chức thực hiện dạy học tăng cường tiếng Việt cho trẻ em trước khi vào lớp Một đảm bảo theo quy định Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với điều kiện thực tế và đối tượng trẻ của trường, của lớp.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để triển khai có hiệu quả dạy và học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Đối tượng: Học sinh dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn xã.

2. Phạm vi áp dụng: Tất cả học sinh dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn xã.

III. NỘI DUNG, THỜI LƯỢNG, QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM

1. Nội dung dạy và học tiếng Việt

Thực hiện theo Điều 5 của Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với điều kiện thực tế và đối tượng trẻ của trường, của lớp gồm các nội dung:

- Chuẩn bị tâm thế vào lớp Một.
- Hình thành các kỹ năng học tập cơ bản.
- Hình thành và phát triển năng lực nghe, nói.
- Hình thành và phát triển năng lực đọc.
- Hình thành và phát triển năng lực viết.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

2. Thời lượng dạy học

- Thời gian thực hiện: Các đơn vị trường thực hiện hoàn thành trong tháng 8/2026.

- Thời lượng dạy học: Nhà trường căn cứ vào tình hình thực tế để bố trí thời gian, thời lượng cho phù hợp, chất lượng, hiệu quả, đảm bảo theo Điều 11, Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định tại điểm b khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 13, Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Các điều kiện để thực hiện dạy và học

- Về cơ sở vật chất và đồ dùng dạy học

+ Địa điểm tổ chức dạy và học tại: Tại điểm trường chính hoặc tại các điểm trường lẻ của đơn vị, bảo đảm thuận tiện đi lại, an toàn và phù hợp với tâm sinh lý của trẻ.

+ Lớp học phải bảo đảm vệ sinh, an toàn, thoáng mát, đủ ánh sáng, bàn ghế phù hợp, đúng quy định, có đủ nước sạch; không gian thân thiện có góc văn hóa địa phương, góc hỗ trợ học ngôn ngữ...

+ Được trang bị đầy đủ đồ dùng dạy học, các trang thiết bị, tài liệu dạy học phục vụ cho việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một bảo đảm hiệu quả, chất lượng.

- Về đội ngũ giáo viên

+ Bố trí giáo viên tham gia dạy học tiếng Việt cho trẻ trước khi vào lớp Một, ưu tiên những giáo viên có năng lực tốt, có tay nghề vững vàng, biết tiếng dân tộc và am hiểu văn hóa địa phương, dân tộc của trẻ.

+ Giáo viên được tập huấn về nội dung và phương pháp dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một, phương pháp dạy ngôn ngữ thứ hai để chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ; được bồi dưỡng tiếng dân tộc (tiếng mẹ đẻ) của trẻ.

- Chế độ chính sách cho giáo viên và trẻ là người dân tộc thiểu số tham gia dạy và học tiếng Việt trước khi vào lớp Một:

+ Giáo viên tham gia dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một được hưởng chế độ theo quy định.

+ Trẻ tham gia học tiếng Việt trước khi vào lớp Một được hưởng các chính sách dành cho học sinh vùng dân tộc thiểu số tại các vùng có điều kiện kinh tế khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định.

4. Yêu cầu đối với hoạt động dạy và học

- Thiết kế các bài học theo các hoạt động cơ bản gồm: Hoạt động 1: khởi động, kết nối; Hoạt động 2: khám phá, luyện tập; Hoạt động 3: vận dụng, trải nghiệm.

- Đa dạng hóa các hoạt động dạy và học (hoạt động dạy học từ và câu; hoạt động đóng vai và tham gia trò chơi học tập; hoạt động múa hát, đọc thơ, vẽ và đồng dao; hoạt động tô, vẽ tranh; hoạt động kể chuyện....) thông qua các hình thức và phương pháp tổ chức khác nhau (làm mẫu, thực hành, trải nghiệm...) để nâng cao hiệu quả dạy học.

- Linh hoạt trong quá trình tổ chức các hoạt động cho trẻ, trong việc sử dụng ngữ liệu dạy học, đồ dùng dạy học phù hợp với điều kiện và tâm lý trẻ. Sau mỗi tiết dạy, cần cho trẻ nghỉ chuyển tiết, thời gian nghỉ chuyển tiết từ 5 đến 10 phút. Một buổi dạy tối đa 120 phút.

5. Kiểm tra, đánh giá chất lượng học sinh

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một.

- Chỉ đạo giáo viên việc theo dõi sự tiến bộ của mỗi trẻ, ghi chép những lưu ý với trẻ có nội dung chưa hoàn thành hoặc có tiến bộ trong học tập và rèn luyện; trao đổi với cha mẹ hoặc người giám hộ của trẻ khi cần thiết.

6. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí để thực hiện Kế hoạch do ngân sách nhà nước cấp từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí huy động, tài trợ hợp pháp khác (nếu có).

- Các đơn vị chủ động cân đối bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục được giao hàng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành; kết hợp các nguồn tài chính hợp pháp khác và lồng ghép các chương trình, kế hoạch liên quan để triển khai thực hiện Kế hoạch theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ, cơ chế, chính sách và chế độ pháp luật quy định hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hoá - Xã hội xã

- Chỉ đạo các đơn vị các trường TH và THCS trên địa bàn xã thực hiện kế hoạch, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để mở lớp, tổ chức dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trong tháng 8.

- Phối hợp với các đơn vị trường TH và THCS, các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định và đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch đề ra.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá, sơ kết việc triển khai kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân xã và Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

2. Phòng Kinh tế xã

- Tham mưu, đề xuất UBND xã phân bổ ngân sách hỗ trợ các cơ sở giáo dục thực hiện kế hoạch năm học 2026 - 2027; kinh phí cho giáo viên dạy theo quy định; bố trí ngân sách thực hiện chế độ chính sách cho cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh các trường tiểu học vùng dân tộc thiểu số theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với phòng Văn hoá – Xã hội xã và cơ quan liên quan trong việc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách đối với giáo viên, học sinh theo quy định.

3. Các trường TH và THCS trên địa bàn xã

- Xây dựng kế hoạch dạy học, phân công cụ thể giáo viên phụ trách và dạy học tăng cường tiếng Việt cho trẻ là người DTTS trước khi vào lớp Một theo quy định, thể hiện rõ nội dung dạy học tăng cường tiếng Việt cho trẻ là người DTTS một cách phù hợp đúng với quy định của Thông tư số 23/2023/TTBGDDĐT.

- Thực hiện chi trả các chế độ, chính sách:

+ Đối với học sinh bán trú lớp Một là người dân tộc thiểu số có học tiếng Việt trước khi vào học chương trình lớp Một: Đề nghị các đơn vị trường học lập dự toán gửi UBND xã (qua Phòng Kinh tế), để bố trí kinh phí thực hiện đảm bảo theo quy định.

+ Đối với cán bộ quản lý, giáo viên dạy tăng cường tiếng Việt cho trẻ là người DTTS trước khi vào lớp Một được thực hiện như sau: Thực hiện theo Thông

tư số 21/2025/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định chế độ trả tiền lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập. (Các đơn vị thiết lập và lưu hồ sơ, chứng từ chi trả đảm bảo theo quy định của tài chính).

- Tuyên truyền phổ biến đối với các đoàn thể, tổ chức xã hội trên địa bàn về định hướng, kế hoạch của nhà trường trong việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ DTTS trước khi vào lớp Một, những hoạt động cần sự hợp tác, hỗ trợ từ các đoàn thể, tổ chức xã hội. Thực hiện tốt các mô hình như “bán trú dân nuôi”, “cấp lồng cơm đến lớp”... nhằm đưa học sinh ra lớp, duy trì chuyên cần trong thời gian thực hiện.

- Tổng hợp và báo cáo kết quả tổ chức thực hiện dạy học tăng cường tiếng Việt cho trẻ là người DTTS trước khi vào lớp Một về phòng Văn hóa – Xã hội trước ngày 10 tháng 9 năm 2026.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức thực hiện dạy học tăng cường tiếng Việt cho trẻ em trước khi vào lớp Một, năm học 2026 - 2027 của UBND xã Ba Đình. UBND xã yêu cầu các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc báo cáo kịp thời về UBND xã (qua Phòng Văn hóa - Xã hội) để phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT tỉnh; (báo cáo)
- CT, PCT UBND xã (PT);
- Phòng Kinh tế xã;
- Phòng VHXX xã;
- Các trường TH&THCS trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VHXX(ttloan)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Nhung

PHỤ LỤC
NỘI DUNG DẠY VÀ HỌC TIẾNG VIỆT CHO TRẺ EM LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ TRƯỚC KHI VÀO LỚP MỘT
(Kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Bài và Chủ điểm	Nói và nghe theo mẫu	Mở rộng vốn từ và mẫu câu	Đọc	Viết	Kĩ năng học tập
1. Làm quen với tiếng Việt	- Chào gặp mặt và chào tạm biệt; - Tự giới thiệu, làm quen; - Xin phép trong lớp; - Cảm ơn và xin lỗi.	- Từ ngữ chỉ người: Em và những người gần gũi quanh em; - Mẫu câu: chào gặp mặt và tạm biệt, tự giới thiệu bản thân, xin phép, cảm ơn và xin lỗi.	- Làm quen với sách và việc đọc: cầm sách, mở sách, lật sách, giữ khoảng cách mắt với sách, nhận biết bìa sách và trang sách, chữ và hình trong sách, cách đưa mắt đọc từ trên xuống, từ trái sang phải (tranh khổ lớn).	- Tập cầm bút chì tô trên vở ô ly đúng cách; - Tô tổ hợp các nét cơ bản trong vở (viết trên bảng con): nét thẳng, nét ngang, nét xiên trái, nét xiên phải.	- Chuẩn bị đồ dùng học tập: bộ đồ dùng học tập, bút chì, sách, vở, phấn, bảng, vật dụng lau bảng; - Học sử dụng các đồ dùng học tập; - Làm quen với kí hiệu, tín hiệu và quy ước; - Nhận nhiệm vụ, thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của giáo viên.
2. Nói về em	- Tự giới thiệu tên, tuổi, lớp học, cô giáo, cha mẹ, sở thích cá nhân.	- Từ ngữ chỉ người thân của em ở nhà, ở lớp; - Từ ngữ chỉ tuổi, chỉ sở thích của em; - Mẫu câu giới thiệu em, sở thích của em.	- Đọc to nghe chung 1 bài về chủ đề <i>gặp gỡ, làm quen với bạn bè ở trường</i> (tài liệu thực hiện là tranh của một trang sách tranh khổ lớn).	- Tập cầm bút chì tô trên vở ô ly đúng cách; - Tô tổ hợp các nét cơ bản trong vở (viết trên bảng con): nét móc xuôi, nét móc ngược, nét móc hai đầu trên bảng con và trong vở.	- Học sử dụng các đồ dùng học tập; - Làm quen với kí hiệu, tín hiệu và quy ước; - Lấy, sắp xếp đồ dùng ra bàn và cất đồ dùng học tập vào cặp sách; - Nhận nhiệm vụ, thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của giáo viên.
3. Em và bạn bè	- Giới thiệu bạn của em; - Câu hỏi về một nhân vật (hỏi về bạn, hỏi về người thân..).	- Từ ngữ chỉ bạn bè, hoạt động của bạn, người thân; - Mẫu câu: câu giới thiệu nhân vật, câu hỏi về một nhân vật, câu nói về hoạt	- Đọc to nghe chung bài đọc có nội dung về bạn ở trường/lớp (tài liệu thực hiện là sách tranh kho lớn).	- Tô tổ hợp các nét cơ bản trong vở (viết trên bảng con); Nét cong kín, nét cong trái, nét cong phải trên bảng	- Học sử dụng các đồ dùng học tập; - Lấy, sắp xếp đồ dùng ra bàn và cất đồ dùng học tập vào cặp sách; - Làm quen với kí hiệu, tín hiệu và quy

		động (của em /bạn bè..)		con và trong vở.	ước; - Xin phép khi muốn ra khỏi chỗ.
4. Em và bạn bè	- Giới thiệu bạn trong lớp của em; - Câu hỏi về người (hỏi về bạn).	- Từ ngữ chỉ bạn bè, tính tình hoặc sở thích của bạn; - Mẫu câu, câu giới thiệu người, câu hỏi về người, câu chỉ tính tình hoặc sở thích của người (em/bạn bè).	- Đọc to nghe chung bài đọc <i>có nội dung về bạn hàng xóm</i> (bài trong tài liệu này là sách tranh khổ lớn).	- Tô tổ hợp các nét cơ bản trong vở (viết trên bảng con), nét khuyết trên, nét khuyết dưới, nét thắt trên bảng con và trong vở.	- Học sử dụng các đồ dùng học tập; - Lấy, sắp xếp đồ dùng ra bàn và cất đồ dùng học tập vào cặp sách; - Làm quen với kí hiệu, tín hiệu và quy ước; - Tập làm việc theo cặp; - Xin phép khi muốn rời khỏi chỗ ngồi.
5. Em và trường lớp	- Giới thiệu trường, lớp của em; - Câu hỏi về trường, lớp.	- Từ ngữ chỉ sự vật trong trường, lớp; - Mẫu câu: câu giới thiệu trường, lớp của em; câu hỏi về trường, lớp của em; câu giới thiệu đồ vật, câu hỏi về đồ vật trong lớp.	- Đọc chữ a và từ chỉ có 1 âm chính là a dấu huyền, dấu sắc; - Đọc to nghe chung bài đọc có nội dung về <i>mọi người ở trường</i> : Thầy giáo/Cô giáo/ cô nhân viên/ bác bảo vệ, (thực hiện tài liệu là sách tranh khổ lớn).	- Tô dấu huyền, dấu sắc, chữ a và tô từ có chữ a trong vở (Ví dụ: ca, cà, cá...).	- Tập làm việc theo cặp; - Xác định vị trí trên bảng con, bảng lớn (bảng lớp); - Nghe chỉ dẫn tham gia trò chơi; - Phát biểu ý kiến khi được cho phép.
6. Em và trường lớp	- Giới thiệu lớp của em; - Câu hỏi về đồ vật (hỏi về đồ vật trong lớp).	- Từ ngữ chỉ đồ vật trong lớp; - Mẫu câu: câu giới thiệu đồ vật, câu hỏi về đồ vật trong lớp.	- Đọc chữ b, c và từ có âm đầu là b, c; dấu hỏi; - Đọc to nghe chung bài đọc <i>có nội dung về đồ dùng học tập</i> (thực hiện tài liệu là sách tranh khổ lớn).	- Tô dấu hỏi, chữ b, c và tô từ có âm đầu là b, c trong vở (Ví dụ: bà, cả).	- Tập làm việc theo nhóm nhỏ; - Phát biểu ý kiến khi được cho phép. - Nghe chỉ dẫn tham gia trò chơi; - Xác định vị trí không gian trong lớp học.
7. Em và trường lớp	- Kể về hoạt động của lớp và hoạt động của các bạn ở lớp của	- Từ ngữ chỉ hoạt động của lớp và hoạt động của các bạn	- Đọc chữ d, đ và từ có âm đầu là d, đ; dấu ngã;	- Tô dấu ngã, chữ d, đ và tô từ có âm đầu là d, đ trong vở (Ví dụ:	- Tập làm việc theo nhóm nhỏ; - Tập nêu ý kiến cá nhân trong nhóm;

	em; - Câu hỏi về các hoạt động (hỏi về hoạt động ở lớp, ở trường).	ở lớp, ở trường; - Mẫu câu: câu kể hoạt động, câu hỏi về hoạt động.	- Đọc to nghe chung bài đọc có <i>nội dung về hoạt động ở trường lớp</i> (thực hiện tài liệu là sách tranh khổ lớn).	đã, da...).	- Xác định vị trí không gian trường học (một số vị trí cần thiết: phòng bảo vệ, phòng thư viện, phòng y tế, phòng ăn bán trú...).
8. Em và gia đình	- Giới thiệu người trong gia đình em; - Kể việc làm của một vài người thân; - Câu hỏi về người và hoạt động của người thân trong gia đình.	- Từ ngữ chỉ hoạt động của người trong gia đình; - Mẫu câu: câu kể hoạt động, câu hỏi về hoạt động.	- Đọc chữ e, ê và từ có chữ e, ê; dấu nặng. - Đọc to nghe chung bài đọc có <i>nội dung về các thành viên trong gia đình</i> (thực hiện tài liệu là sách tranh khổ lớn).	- Tô dấu nặng, chữ e, ê và từ chỉ có 1 âm chính là e, ê trong vở (Ví dụ: dê, bê...).	- Tham gia trò chơi học tập; - Tập báo cáo kết quả; - Chuẩn bị đồ dùng học tập trước khi đến lớp.
9. Em và gia đình	- Giới thiệu đồ dùng trong nhà em.	- Từ ngữ chỉ đồ dùng trong nhà; - Mẫu câu: câu giới thiệu đồ vật.	- Đọc chữ g, h và từ có âm đầu là g, h. Đọc chữ số: 0, 1; - Đọc to nghe chung bài đọc có <i>nội dung về các đồ dùng gia đình</i> (thực hiện tài liệu là sách tranh khổ lớn).	- Tô chữ g, h và tô từ có âm đầu là g, h trong vở (Ví dụ: gà, hẹ...); - Tô chữ số 0, 1.	- Tham gia trò chơi học tập; - Tập báo cáo kết quả; - Chuẩn bị trang phục trước khi đến lớp.
10. Em và gia đình	- Kể việc em làm ở nhà; - Câu hỏi về việc em làm ở nhà.	- Từ ngữ chỉ công việc trẻ làm ở nhà; - Mẫu câu: câu kể hoạt động của em ở nhà, câu hỏi việc em làm ở nhà.	- Đọc chữ i, y và từ chỉ 1 âm chính là i, y. Đọc chữ số 2,3; - Đọc to nghe chung bài đọc có <i>nội dung về hoạt động của em và gia đình ở nhà</i> (thực hiện tài liệu này sách tranh khổ lớn).	- Tô chữ i, y và tô từ chỉ có 1 âm chính là i, y trong vở (Ví dụ: đi, ý...); - Tô chữ số 2, 3 trong vở.	- Tập bảo quản và giữ gìn đồ dùng học tập; - Sắp xếp đồ dùng ở góc học tập.
11. Em và bản	- Giới thiệu bản làng em, dân tộc em: tên	- Từ ngữ chỉ người trong bản	- Đọc chữ k, l và từ có âm	- Tô chữ k, l và tô từ có âm đầu là	- Tập giữ gìn sách, vở;

làng	bản làng, tên dân tộc; - Câu hỏi về bản làng, về dân tộc.	làng (người theo độ tuổi); - Mẫu câu: câu giới thiệu bản làng, dân tộc, câu hỏi về bản làng, dân tộc.	đầu là k, l. Đọc chữ số 4, 5; - Đọc to nghe chung bài đọc có nội dung giới thiệu về <i>văn hóa bản làng</i> (thực hiện tài liệu này là sách tranh khổ lớn).	k, l. trong vở (Ví dụ: kê, lá); - Tô chữ số 4,5 trong vở.	- Trang trí góc học tập.
12. Em và bản làng	- Giới thiệu những cảnh vật ở bản làng em (núi, suối, cây cối, nương rẫy, nhà cửa...); - Câu hỏi về cảnh vật ở bản làng em.	- Từ ngữ chỉ cảnh vật ở bản làng; - Mẫu câu: câu giới thiệu cảnh vật ở bản làng, câu hỏi về cảnh vật ở bản làng, câu hỏi vị trí <i>Ở đâu? Cái gì?</i>	- Đọc chữ m, n và từ có âm đầu là m, n. Đọc chữ số 6,7; - Đọc to nghe chung về <i>cảnh vật của bản làng</i> (thực hiện tài liệu này là sách tranh khổ lớn). - Trả lời câu hỏi đọc hiểu đơn giản: <i>Ở đâu? Cái gì?</i>	- Tô chữ m, n và tô từ có âm đầu là m, n. trong vở (Ví dụ: mẹ, na...); - Tô chữ số 6,7 trong vở.	- Tham gia hoạt động trải nghiệm với lớp; - Chuẩn bị đồ dùng khi tham gia trải nghiệm với lớp.
13. Em và bản làng	- Kể về công việc của người trong bản làng: trồng rừng, làm nương, chăn nuôi, dệt vải, lễ hội...; - Câu hỏi về hoạt động của người trong bản làng.	- Từ ngữ chỉ hoạt động, công việc của người trong bản làng ở bản làng; - Mẫu câu: câu kể hoạt động của người ở bản làng, câu hỏi hoạt động của người ở bản làng, câu hỏi vị trí <i>Ở đâu?</i> câu hỏi thời gian <i>Khi nào?</i>	- Đọc chữ o và từ chỉ có 1 âm chính là o. Đọc chữ số 8,9; - Đọc to nghe chung bài đọc về <i>hoạt động của người ở bản làng (trồng rừng, làm nương, chăn nuôi, làm nghề thủ công, lễ hội)</i> . - Trả lời câu hỏi đọc hiểu đơn giản: <i>Ở đâu? Khi nào?</i>	- Tô chữ o và tô từ chỉ có 1 âm chính là o trong vở (Ví dụ: cỏ, no cỏ...); - Tô chữ số 8, 9 trong vở.	- Tham gia hoạt động trải nghiệm với lớp; - Chuẩn bị trang phục khi tham gia trải nghiệm với lớp.
14. Em và thiên nhiên	- Giới thiệu về những con vật ở quanh em; - Câu hỏi về con vật ở quanh em.	- Từ ngữ chỉ con vật ở quanh em (vật nuôi, con vật sống trong rừng, trong tự nhiên); - Mẫu câu: câu giới thiệu con vật, câu hỏi vị trí <i>Ở đâu?</i> câu	- Đọc chữ ô, ơ và từ có chữ ô, ơ; - Đọc to nghe chung bài đọc về <i>con vật ở quanh em (vật nuôi, vật ở trong rừng;</i>	- Tô chữ ô, ơ và tô từ ngữ chỉ có âm chính là ô, ơ dưới hình minh họa (Ví dụ: cô, nơ).	- Tập trình bày kết quả học của cá nhân; - Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ trong học tập khi cần thiết từ bạn bè.

		hỏi hoạt động <i>Làm gì?</i>	<i>trên bầu trời</i>); - Trả lời câu hỏi đọc hiểu đơn giản: <i>Ở đâu? Làm gì?</i>		
15. Em và thiên nhiên	- Giới thiệu về những loài cây, loài hoa quả ở quanh em; - Câu hỏi về cây cối, hoa quả ở quanh em.	- Từ ngữ chỉ cây cối, hoa và quả ở quanh em; - Mẫu câu: câu giới thiệu cây cối, hoa và quả, câu hỏi vị trí <i>Ở đâu?</i> câu hỏi đặc điểm <i>Thế nào?</i>	- Đọc chữ p, q và từ có âm đầu là p, q; - Đọc to nghe chung bài đọc về <i>cây cối, hoa và quả ở quanh em</i> ; - Trả lời câu hỏi đọc hiểu đơn giản: <i>Ở đâu? Thế nào?</i>	- Tô chữ p, q và tô từ ngữ có âm đầu là p, q dưới hình minh họa (Ví dụ: pa - cô, quả...).	- Tập trình bày kết quả học của cá nhân; - Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ trong học tập khi cần thiết từ bạn bè.
16. Em và thiên nhiên	- Kể những việc người dân làm để giữ cho thiên nhiên ở bản làng sạch đẹp, an toàn; - Câu hỏi về hoạt động bảo vệ môi trường thiên nhiên ở bản làng.	- Từ ngữ chỉ hoạt động của người dân bảo vệ môi trường thiên nhiên ở bản làng; - Mẫu câu: kể về hoạt động bảo vệ môi trường thiên nhiên ở bản làng, câu hỏi vị trí <i>Ở đâu?</i> câu hỏi hoạt động <i>Làm gì?</i>	- Đọc chữ r, s và từ có âm đầu là r, s; - Đọc to nghe chung bài đọc về <i>hoạt động bảo vệ môi trường thiên nhiên ở quanh em (trồng cây, bảo vệ thú rừng, chim rừng, dọn rác thải..)</i> - Trả lời câu hỏi đọc hiểu đơn giản: <i>Ở đâu? Làm gì?</i>	- Tô chữ r, s và tô từ ngữ có âm đầu là r, s dưới hình minh họa (Ví dụ: rổ, sẻ...).	- Tập trình bày kết quả học của nhóm; - Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ trong học tập khi cần thiết từ Thầy Cô.
17. Ước mơ của em	- Kể về những trò chơi, cuộc đi chơi em muốn; - Hỏi về những trò chơi, cuộc đi chơi em thích.	- Từ ngữ chỉ trò chơi, cuộc đi chơi thú vị của trẻ; - Mẫu câu: giới thiệu những trò chơi thú vị, câu kể về hoạt động trong cuộc đi chơi thú vị, câu hỏi <i>Trò chơi gì? Đi đâu?</i>	- Đọc chữ t và từ ngữ có âm đầu là t. - Đọc to nghe chung bài đọc về <i>trò chơi, cuộc đi chơi thú vị của trẻ</i> ; - Trả lời câu hỏi đọc hiểu đơn giản: <i>Trò chơi gì? Đi đâu?</i>	- Tô chữ t và tô từ ngữ có âm đầu là t dưới hình minh họa (Ví dụ: tổ, tạ...).	- Tập trình bày kết quả học của nhóm; - Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ trong học tập khi cần thiết từ Thầy Cô.

18. Ước mơ của em	- Kể về những hoạt động học em thích (vẽ, hát, thể dục, đọc sách, học toán...) - Hỏi về những hoạt động học em thích.	- Từ ngữ chỉ hoạt động học (vẽ, hát, thể dục thể thao, đọc sách, học toán...) - Mẫu câu: kể những hoạt động học em thích, câu hỏi <i>Học gì?</i>	- Đọc chữ u, ư và từ ngữ chỉ có 1 âm chính là u, ư. - Đọc to nghe chung bài đọc về <i>sở thích của trẻ</i>. - Trả lời câu hỏi đọc hiểu đơn giản: <i>Em có sở thích gì?</i>	- Tô chữ u, ư và tô từ ngữ chỉ có 1 âm chính là u, ư dưới hình minh họa (Ví dụ: su su, củ từ).	- Tham gia các hoạt động chung của lớp: thi đọc thơ, kể chuyện theo sách tranh khổ lớn hoặc truyện tranh, thi hát múa... - Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ trong học tập khi cần thiết từ người thân.
19. Ước mơ của em	- Kể về những nghề em thích làm khi lớn lên; - Câu hỏi về nghề nghiệp.	- Từ ngữ chỉ nghề nghiệp phổ biến; - Mẫu câu: kể những hoạt động nghề nghiệp, câu hỏi <i>Làm gì? Ở đâu?</i>	- Đọc chữ v, x và từ có chữ v, x; - Đọc to nghe chung bài đọc về <i>nghề nghiệp em thích</i>; - Trả lời câu hỏi đọc hiểu đơn giản: <i>Em thích làm nghề gì?</i>	- Tô chữ v, x và tô từ ngữ có âm đầu là v, x dưới hình minh họa (Ví dụ: vẽ, xô...).	- Tham gia các hoạt động chung của lớp: thi đọc thơ, kể chuyện theo sách tranh khổ lớn hoặc truyện tranh, thi hát múa, thi khéo tay hay làm...; - Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ trong học tập khi cần thiết từ người thân.
20. Ôn tập	- Tự giới thiệu bản thân; - Kể về gia đình: người thân trong gia đình, nhà ở; - Kể về hoạt động học em thích.		- Cùng đọc với giáo viên sách tranh khổ lớn; - Trả lời câu hỏi đọc hiểu đơn giản: <i>Ai? Cái gì? Con gì? Làm gì? Ở đâu?</i>	- Tô chữ cái đã học; - Tô từ chứa chữ cái đã học dưới hình; - Tô chữ số đã học.	